

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất

Ngày 30/09/2025	36,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.3%	-	-3.6%

DT thuần Q3/25	805
tỷ VNĐ	
QoQ: ▲ 35.0 4.5%	
YoY: ▲ 23.0 2.9%	

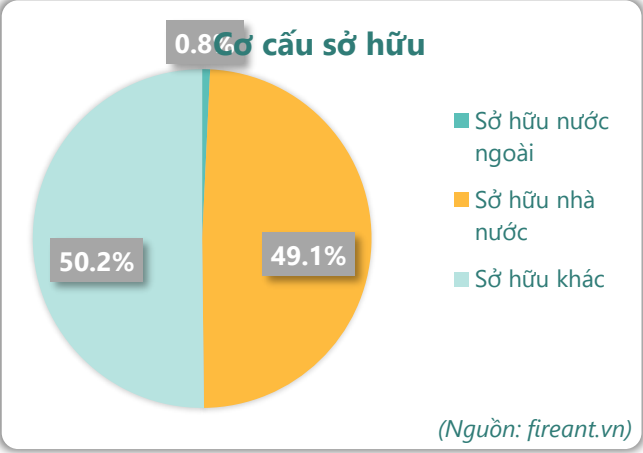
LN thuần Q3/25	129
tỷ VNĐ	
QoQ: ▼3.00 -2.1%	
YoY: ▼79.0 -37.9%	

LN sau thuế Q3/25	107
tỷ VNĐ	
QoQ: ▼1.00 -1.0%	
YoY: ▼74.0 -40.9%	

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25	16.6%
YoY: +/- ▼ 1.1%	

ROE (TTM) Q3/25	28.7%
YoY: +/- ▼ 3.7%	

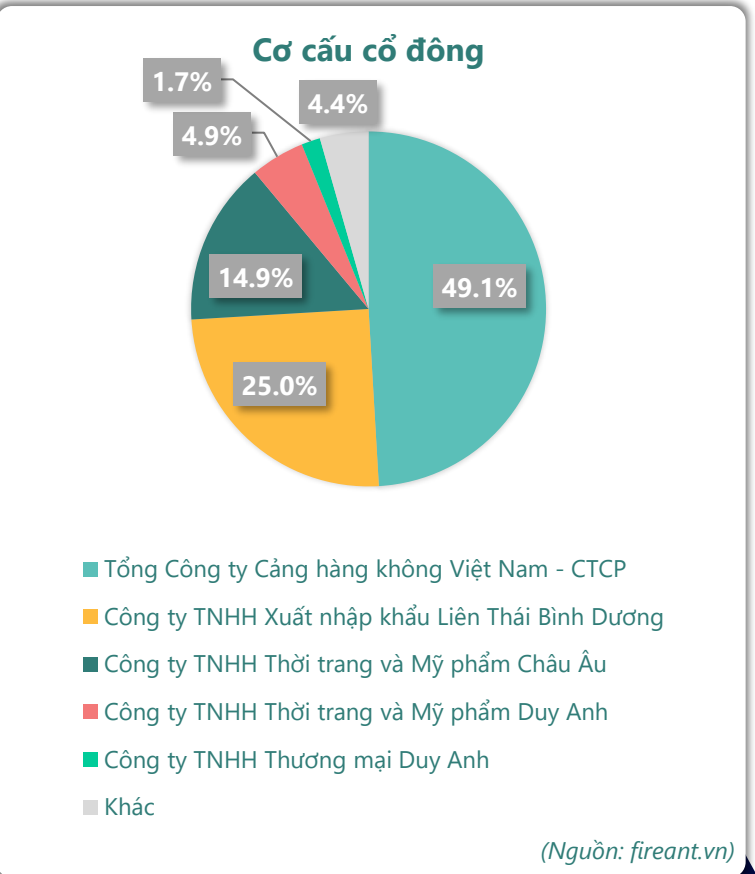
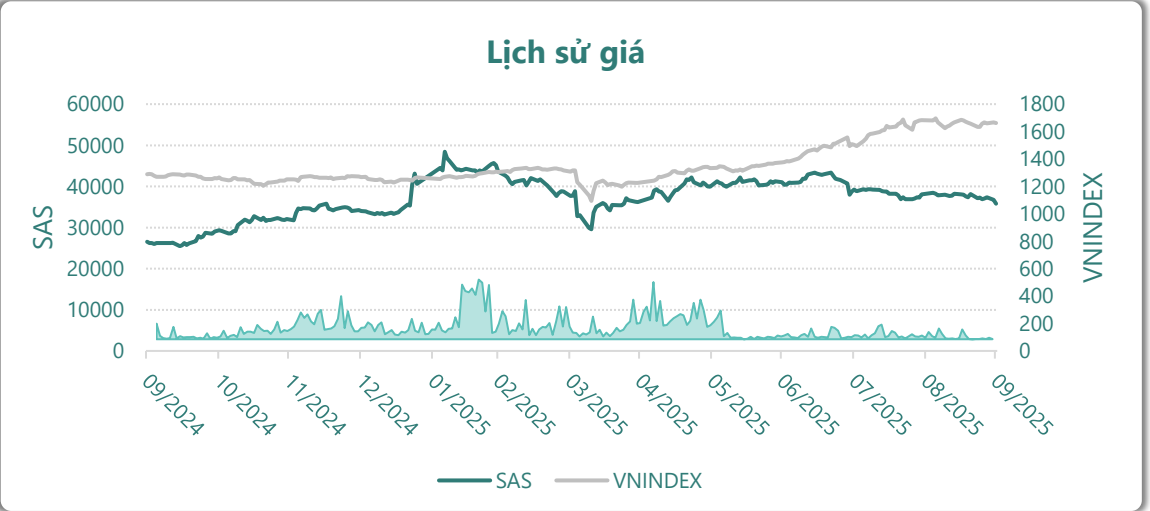
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	25,475 - 48,422
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,858
Số lượng CPLH (CP)	133,451,910
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,425
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	1.35
EPS	3,476
P/E	10.5



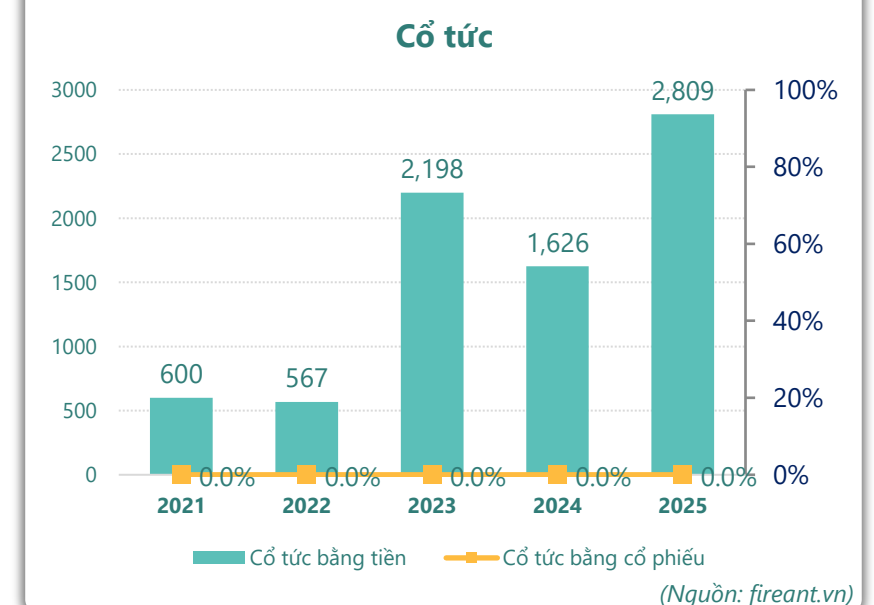
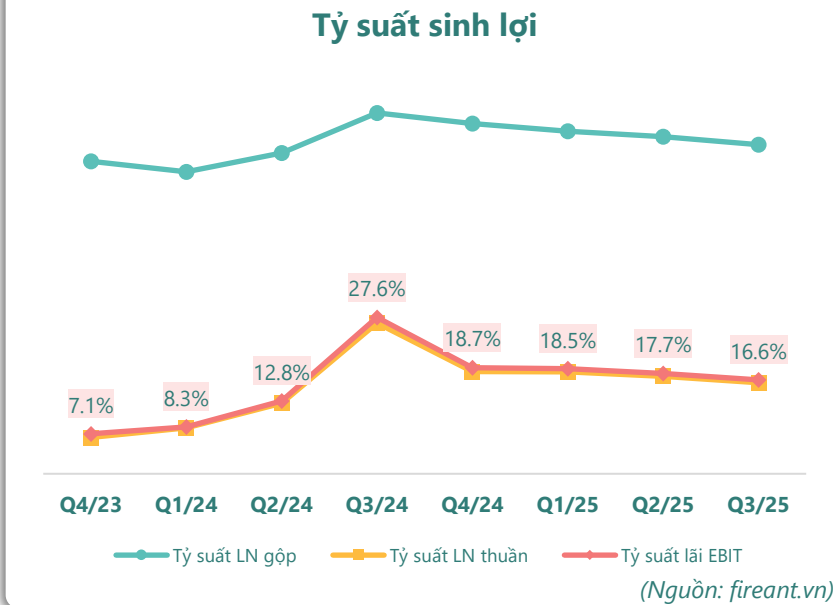
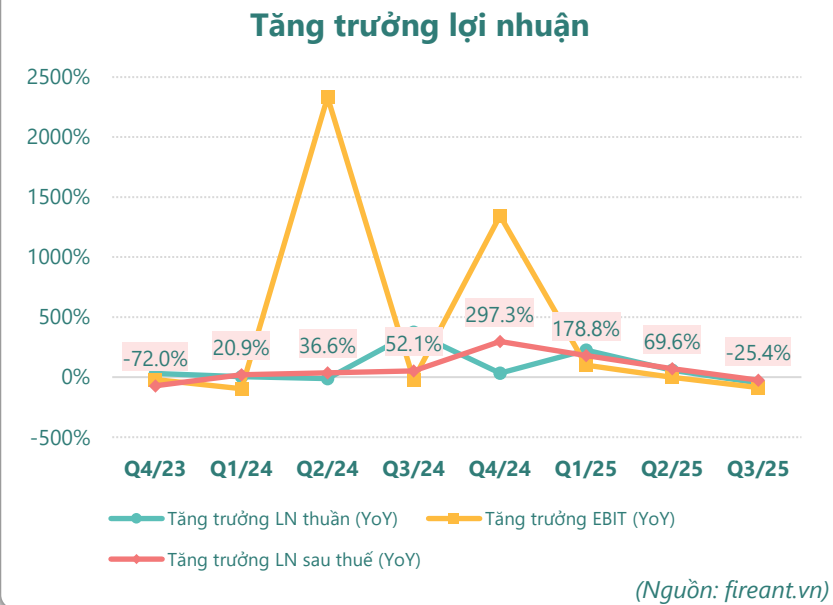
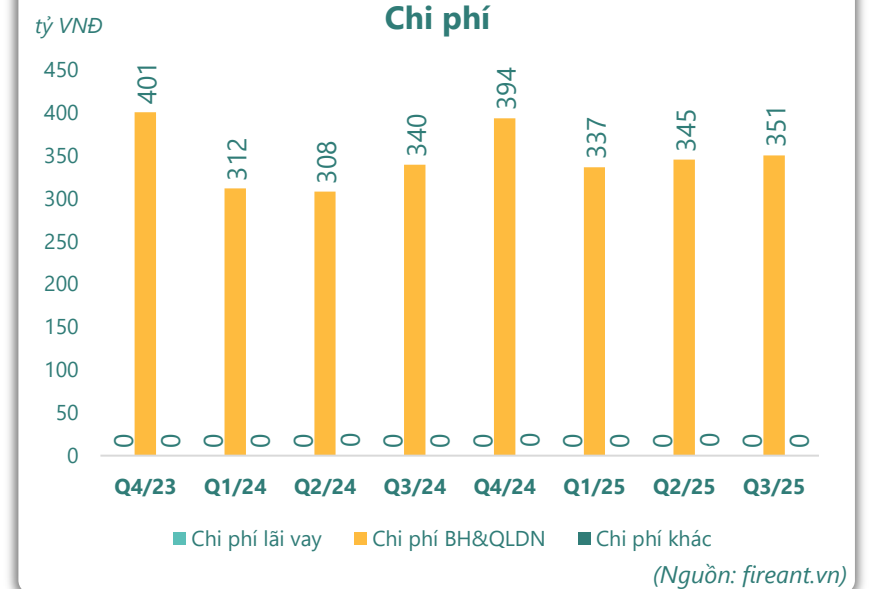
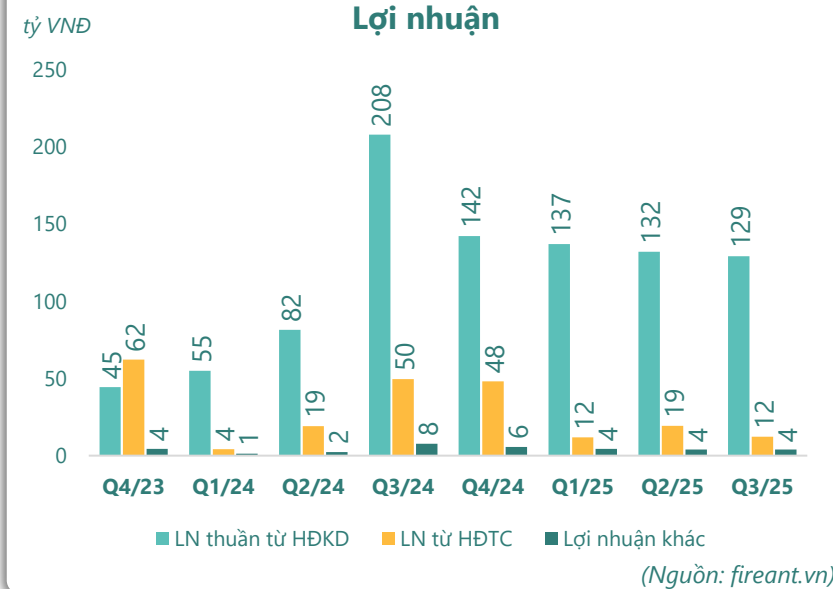
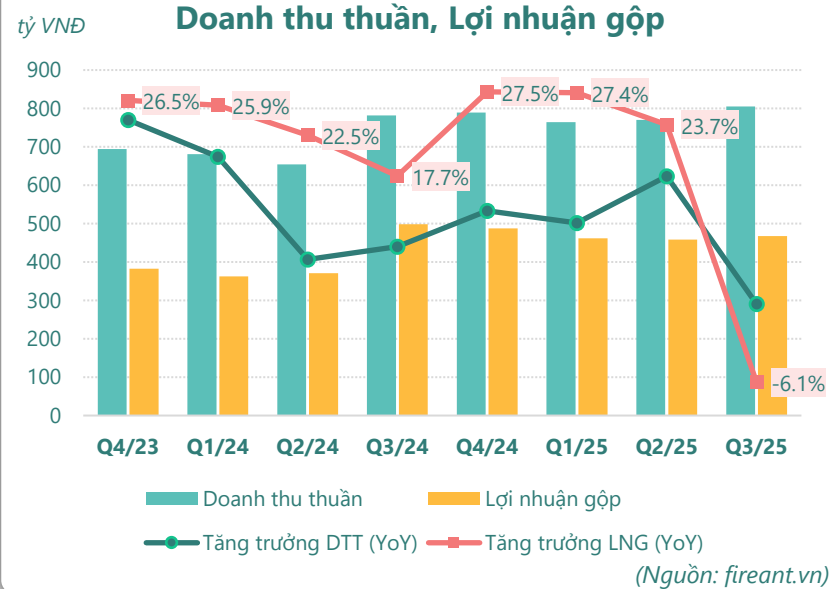
DT thuần 9T 2025	2,339
tỷ VNĐ	
YoY: ▲ 222 10.5%	

LN thuần 9T 2025	399
tỷ VNĐ	
YoY: ▲ 54.0 15.7%	

LN sau thuế 9T 2025	328
tỷ VNĐ	
YoY: ▲ 34.0 11.6%	



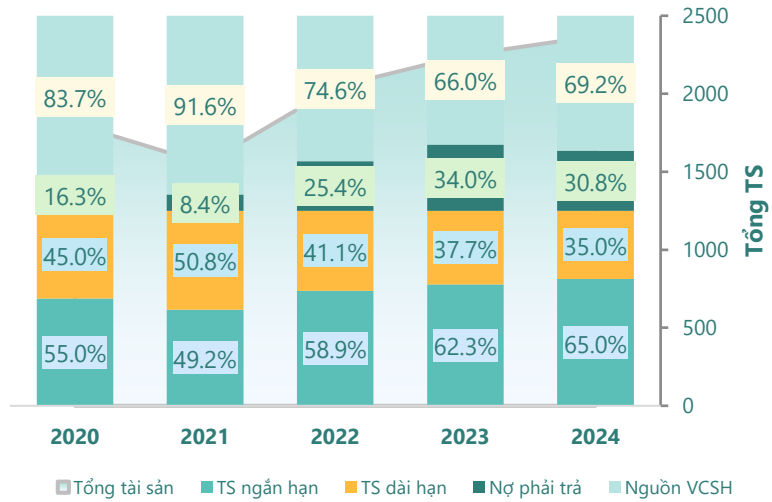
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

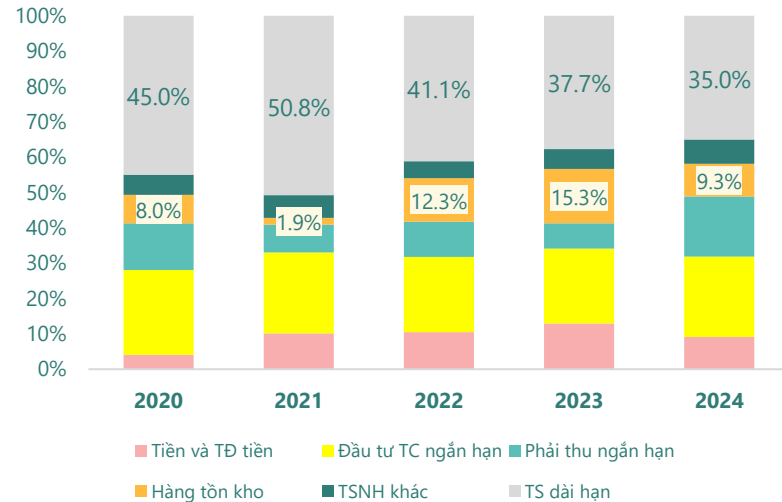
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

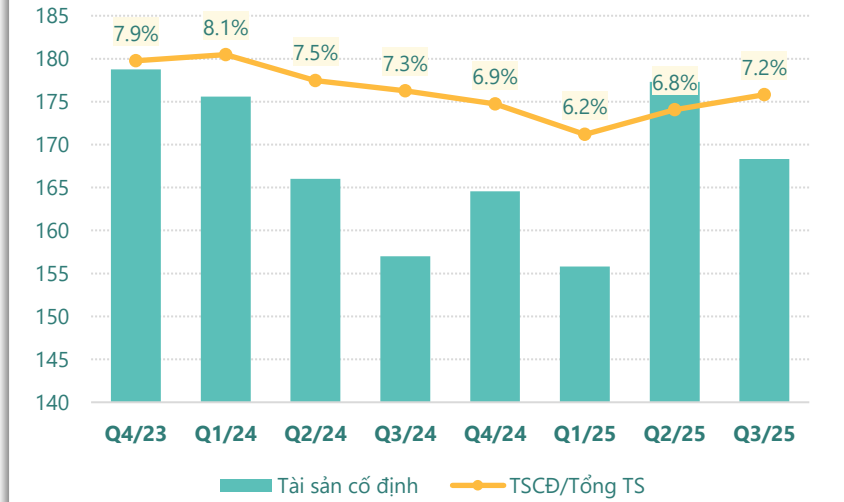
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

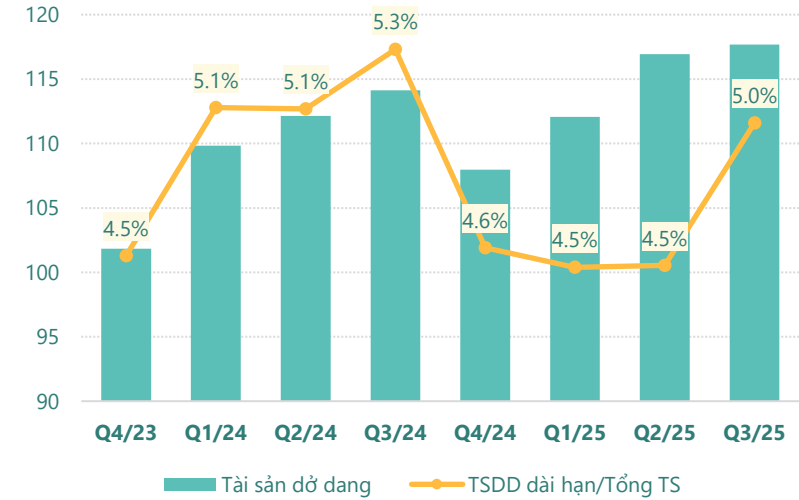
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

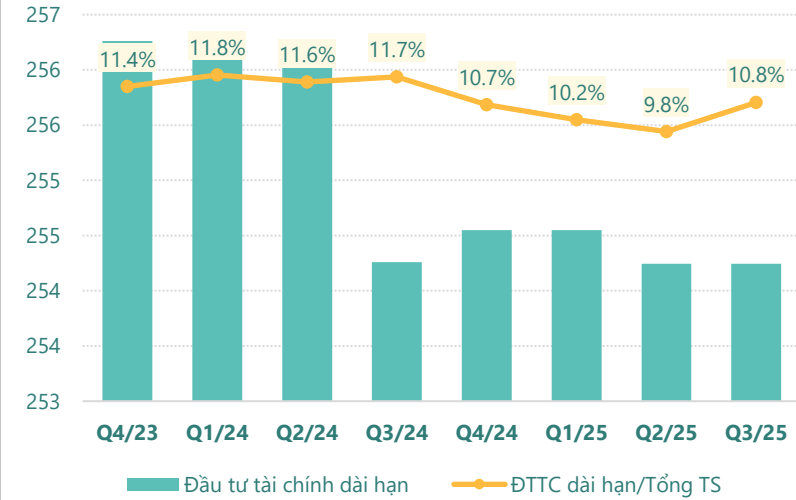
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

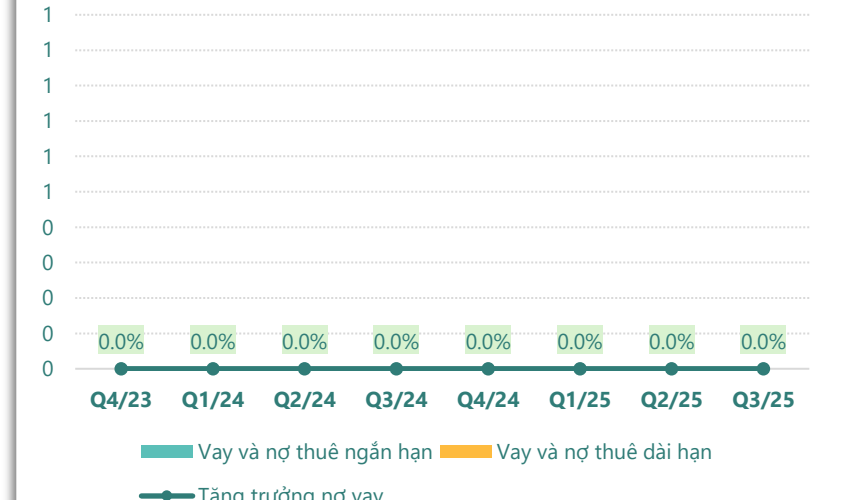
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

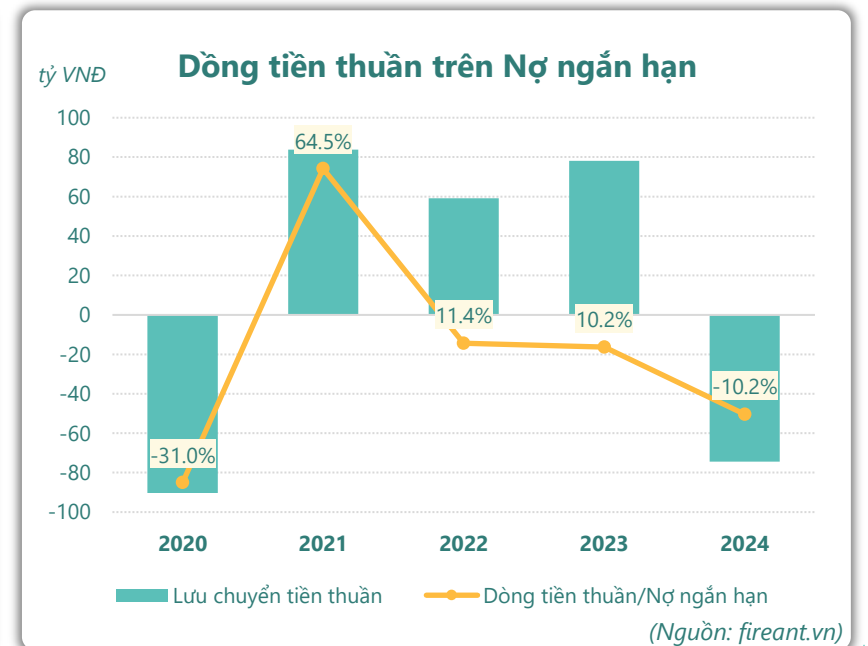
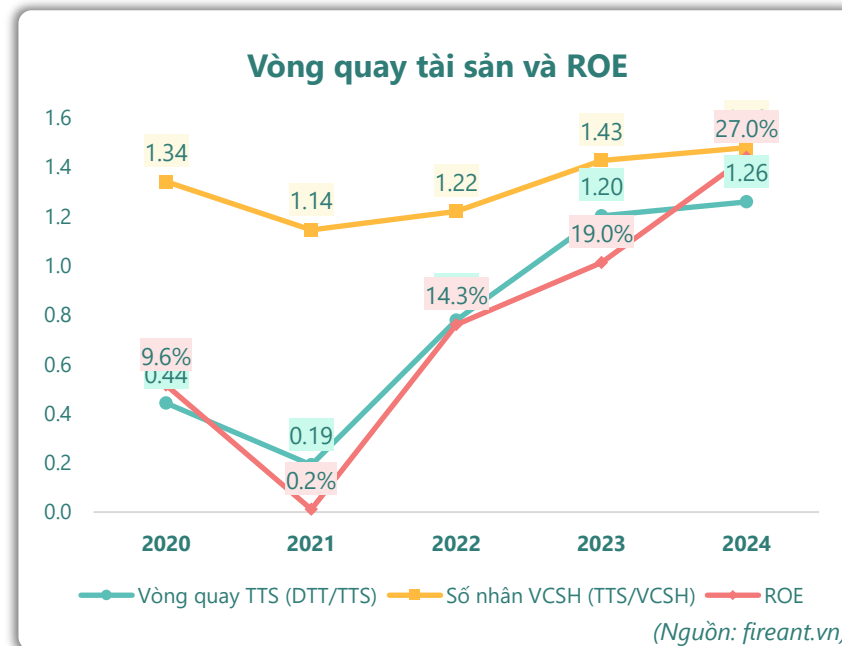
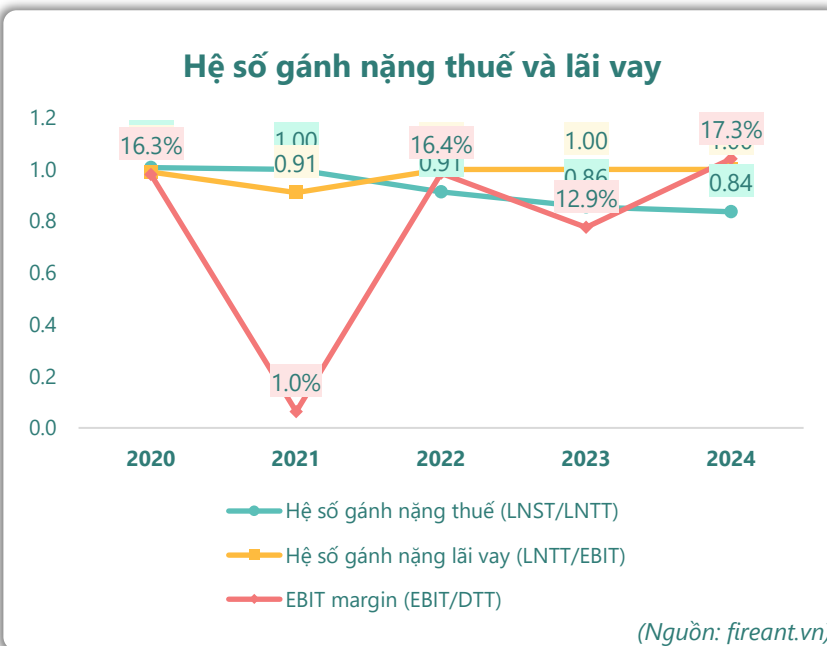
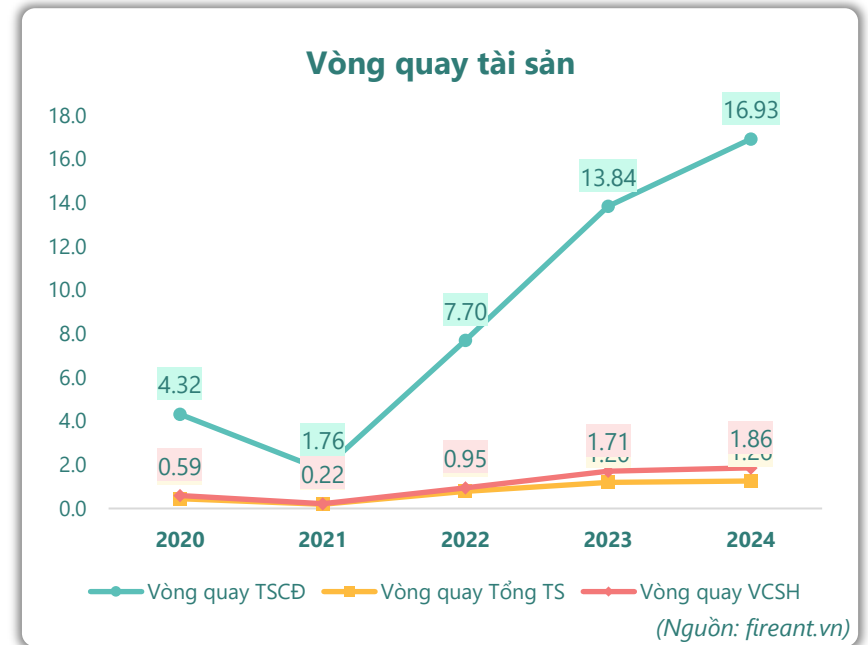
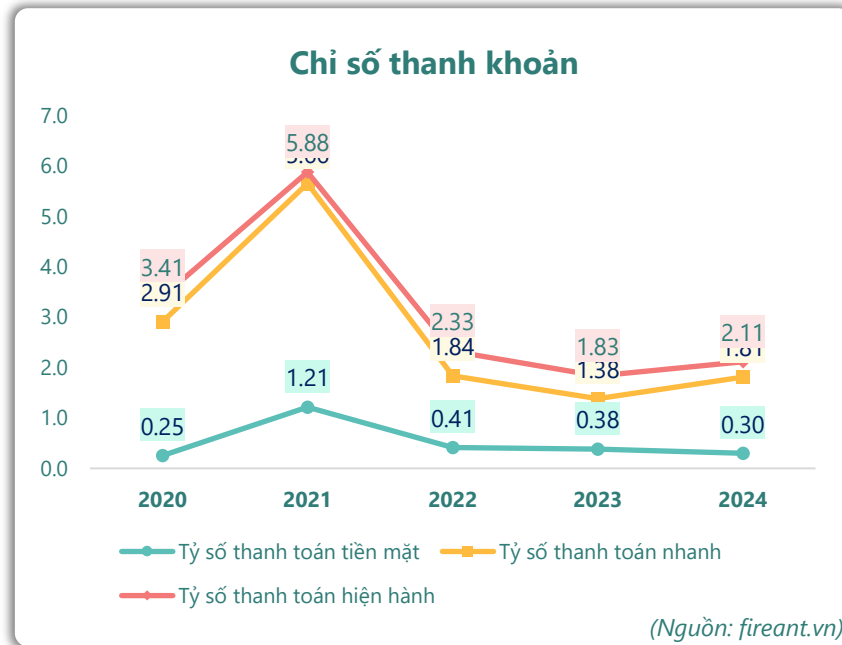
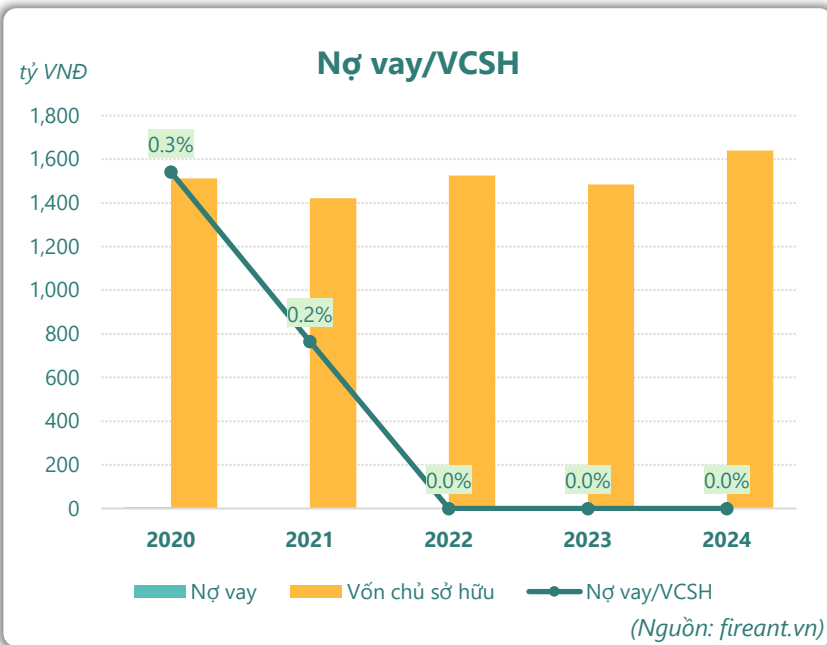
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	805	782	2.9%	2,339	2,117	10.5%
Giá vốn hàng bán	337	284	18.8%	952	886	7.4%
Lợi nhuận gộp	467	498	-6.1%	1,388	1,231	12.7%
Doanh thu HĐTC	18.6	57.1	-67.4%	58.2	96.7	-39.8%
Chi phí TC	6.37	7.61	-16.3%	14.7	23.9	-38.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	272	241	12.8%	790	708	11.6%
Chi phí QLDN	78.7	98.4	-20.0%	242	252	-3.8%
LN thuần từ HĐKD	129	208	-37.9%	399	345	15.7%
Lợi nhuận khác	4.04	7.79	-48.1%	12.4	11.5	7.7%
LN trước thuế	133	216	-38.3%	411	356	15.4%
Lợi nhuận sau thuế	107	181	-40.9%	328	294	11.6%
LNST của CĐ cty mẹ	107	181	-40.9%	328	294	11.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.4	36.5	82.4	256	48.0	180
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	83.6	34.2	-54.1	30.7	-84.0	-169
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.06	-216	-46.4	-0.15	-0.09	-295
Tiền đầu kỳ	232	387	234	217	504	470
Lưu chuyển tiền thuần	143	-146	-18.1	286	-36.0	-284
Ảnh hưởng tỷ giá	11.7	-7.33	1.64	0.42	1.74	-2.44
Tiền cuối kỳ	387	234	217	504	470	183

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,350	2,370	-0.9%
Tài sản ngắn hạn	1,503	1,539	-2.4%
Tiền và tương đương tiền	183	217	-15.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	736	537	37.0%
Phải thu ngắn hạn	189	404	-53.2%
Hàng tồn kho	196	220	-10.9%
Tài sản ngắn hạn khác	199	161	23.5%
Tài sản dài hạn	847	830	2.0%
Phải thu dài hạn	247	245	0.7%
Tài sản cố định	168	165	2.3%
Bất động sản đầu tư	32.2	32.2	0.0%
Tài sản dở dang	118	108	9.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	254	255	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	27.8	26.2	6.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	677	730	-7.3%
Nợ ngắn hạn	674	728	-7.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	349	392	-11.0%
Nợ dài hạn	2.15	2.16	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,673	1,640	2.0%
Vốn chủ sở hữu	1,673	1,640	2.0%
Vốn điều lệ	1,335	1,335	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

